

V/v Công khai thông tin môi trường

Đồng Nai, ngày 22 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: UBND xã Long Thành

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chúng tôi là: Công ty TNHH Elite Investment Worldwide.

Địa chỉ dự án: Lô M, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Là chủ đầu tư của Dự án: “Nhà máy sản xuất, gia công hàng may mặc (trong quy trình sản xuất có công đoạn in, không bao gồm công đoạn nhuộm), công suất 20.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.280 tấn sản phẩm/năm)”.

Đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép môi trường số 78/GPMT-KCNKKT ngày 21/4/2026.

Căn cứ Khoản 1, Điều 102, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công ty chúng tôi xin gửi đến quý cơ quan Giấy phép môi trường của dự án (đính kèm theo văn bản) để quý cơ quan thực hiện công khai thông tin môi trường trên trang thông tin điện tử.

Kính mong Quý Cơ quan xem xét.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Cty.



CHỦ DỰ ÁN

VŨ THỊ HOÀNG YẾN



**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,  
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Elite Investment Worldwide tại văn bản số 01-26/EIW đề ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất, gia công hàng may mặc (trong quy trình sản xuất có công đoạn in, không bao gồm công đoạn nhuộm), công suất 20.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.280 tấn sản phẩm/năm)” tại lô M, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai và kèm theo hồ sơ;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Elite Investment Worldwide (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công hàng may mặc (trong quy trình sản xuất có công đoạn in, không bao gồm công đoạn nhuộm), công suất 20.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.280 tấn sản phẩm/năm)” tại Lô M, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất, gia công hàng may mặc (trong quy trình sản xuất có công đoạn in, không bao gồm công đoạn nhuộm), công suất 20.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.280 tấn sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô M, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0312314749, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 9 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 3 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8738312472 chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 0312314749.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công hàng may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: diện tích 20.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Tiêu chí về môi trường: Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III.

- Công suất: Sản xuất, gia công hàng may mặc công suất 20.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 4.280 tấn sản phẩm/năm).

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → Kiểm tra → Cắt vải → Thêu/Ép logo/In → Kiểm tra và vệ sinh → May → Kiểm tra → Ủi → Gấp xếp → Đóng gói → Thành phẩm.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố

môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án.

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 21 tháng 4 năm 2036).

**Điều 4.** Giao Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Long Thành;
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN, KKT;
- Lưu: VT, MT (TH).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Phạm Việt Phương**

# PHỤ LỤC 1 YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78/GPMT-KCNKKT  
ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,  
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)*

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ dự án được thu gom xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An - Bình Sơn trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An - Bình Sơn theo cam kết tiếp nhận và xử lý nước thải số 01-2026/LT-VRG ngày 09/3/2026 giữa Công ty TNHH Elite Investment Worldwide và Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành (Chủ đầu tư hạ tầng KCN Lộc An - Bình Sơn).

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn với lưu lượng 256 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải từ nhà ăn sau khi qua bể tách dầu với lưu lượng 38,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải từ quá trình giặt đồ mẫu với lưu lượng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm và nước thải từ hệ thống làm mát với lưu lượng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm được dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 380 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sau xử lý một phần được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Lộc An - Bình Sơn; một phần tái sử dụng cho đội nhà vệ sinh của dự án.

- Nước thải từ hệ thống lọc RO với lưu lượng 25,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm và nước vệ sinh nhà xưởng, văn phòng với lưu lượng 3,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Lộc An - Bình Sơn tại 01 hồ ga trên đường N5.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 380 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể FBR → Bể màng MBR → Bể khử trùng → Tái sử dụng cho đội nhà vệ sinh của dự án (khoảng 40%) hoặc đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Lộc An - Bình Sơn (khoảng 60%).

- Công suất thiết kế: 380 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): Chất dinh dưỡng, TCCA 90, NaOH, Polymer C.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các hạng mục và máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bể lắng; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được chứa tại các bể của hệ thống xử lý và không xả trực tiếp ra ngoài môi trường đến khi hệ thống xử lý nước thải khắc phục xong. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, cần thời gian dài hơn để xử lý thì sẽ thông báo tạm ngưng các hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An - Bình Sơn, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An - Bình Sơn để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư KCN Lộc An - Bình Sơn và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích dội nhà vệ sinh của dự án. Nước thải tái sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành phù hợp với mục đích sử dụng nước.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78/GPMT-KCNKKT  
ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Trường ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,  
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực in.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (không có dòng thải).
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy cắt (không có dòng thải).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

2.1. Vị trí xả khí thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in (nguồn số 01). Tọa độ vị trí ống thải có tọa độ: X = 1192533; Y = 417375.

2.2. Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $6.300 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-		
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	$\leq 80$	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng

**Ghi chú:**

- Đối với các nguồn thải không phát sinh dòng khí thải (nguồn số 02 và nguồn số 03) phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B (trong trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường theo quy định).

**B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải****1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình in và pha mực in được thu gom bằng chụp hút vào các đường ống về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 6.300 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thải (không có hệ thống xử lý khí thải).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ 18 máy cắt được thu gom về 18 thiết bị thu hồi bụi (tích hợp trong máy cắt) để thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (không có ống thải).

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:****1.2.1. Hệ thống hấp phụ than hoạt tính, công suất thiết kế 6.300 m<sup>3</sup>/giờ.**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Khí thải* → *Chụp hút* → *Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính* → *Quạt hút* → *Ống thải* → *Môi trường*.

- Công suất thiết kế: 6.300 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

**1.2.2. 18 thiết bị thu hồi bụi máy cắt.**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi* → *Chụp hút trong máy* → *Ngăn thu bụi* → *Chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý*.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các

cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm, theo hồ sơ thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 04 năm 2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in, công suất 6.300 m<sup>3</sup>/giờ (*dòng khí thải số 01*).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thải sau hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 29 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành.

3.6 Bố trí các công trình xử lý khí thải đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-KCNKKT ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Trường ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

##### 1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Từ khu vực máy may;
- Nguồn số 02: Từ hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn số 03: Từ hệ thống xử lý khí thải từ khu vực in;
- Nguồn số 04: Từ máy phát điện dự phòng.

##### 1.2. Nguồn phát sinh độ rung: Không phát sinh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>)

##### 2.1. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Tọa độ X: 1192558; Y: 417371;
- Nguồn số 02: Tọa độ X: 11192573; Y: 417359;
- Nguồn số 03: Tọa độ X: 1192533; Y: 417375;
- Nguồn số 04: Tọa độ X: 1192786; Y: 417695.

##### 2.2. Vị trí phát sinh độ rung: Không phát sinh.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2025/BTNMT			QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L <sub>aeq</sub> ) - dBA		
1	70	65	60	8	85	-	Khu vực E

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**PHỤ LỤC 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-KCNKKT  
ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,  
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	NH	470
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	650
3	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (bóng đèn led)	19 02 06	Rắn	NH	60
4	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	Rắn	NH	100
<b>Tổng cộng (kg/năm)</b>		-	-	-	<b>1.280</b>

**Ghi chú:** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi thu hồi từ hoạt động sản xuất	06 01 08	TT	480
2	Hộp chứa mực in văn phòng	08 02 08	TT	50
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 12	TT	13.821
4	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	TT	1.800
5	Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, vụn vải, chỉ vụn	12 09 09	TT-R	205.557

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
6	Giấy carton, giấy loại bỏ từ văn phòng	18 01 05	TT	400
7	Bao bì đóng gói hư hỏng, nhựa, nylon, dây đai	18 01 06	TT-R	5.000
8	Bao bì pallet gỗ thải	18 01 07	TT-R	20
<b>Tổng khối lượng</b>		-	-	<b>227.128</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	200
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	159,2
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	140
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>499,2</b>

### 1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã số CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in thải	08 02 01	Rắn	KS	2,5
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	KS	35
3	Chất kết dính (keo thải) và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	Rắn/ Lỏng	KS	3,03
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	2.000
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	KS	200
6	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	250
7	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (bao gồm giẻ lau, than hoạt tính thải)	18 02 01	Rắn	KS	836
8	Giấy in thải có chứa nhựa in từ công đoạn in	19 12 02	Rắn	KS	100
9	Tấm pin năng lượng mặt trời	19 02 08	Rắn	KS	1.200
<b>Tổng cộng (kg/năm)</b>		-	-	-	<b>4.626,53</b>

**Ghi chú:** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng theo quy định của pháp luật và bố trí tại khu vực đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt có mái che, nền được gia cố chống thấm, có khay thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa, bao tải.

2.2.2. Kho giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho lưu giữ: 96 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường phải có đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng theo quy định của pháp luật và bố trí tại khu vực đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, có vách tôn bao quanh và mái lợp tôn, nền được gia cố bằng vật liệu chống thấm. Khu vực chứa được dán nhãn tên khu vực chứa chất thải công nghiệp thông thường, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Diện tích kho lưu giữ: 50 m<sup>2</sup>.

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy đặt dung tích từ 20 lít đến 120 lít đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho lưu giữ chất thải sinh hoạt có tường bao, mặt sàn đảm bảo kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và

tránh nước mưa từ bên ngoài chảy vào; có mái che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ và bố trí tại khu vực đảm bảo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định.

**3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** không có.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

**1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

**2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

**3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**4. Các nội dung khác:**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; có trách nhiệm công khai và thông báo cho

Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành, Ủy ban nhân dân xã Long Thành về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành, Ủy ban nhân dân xã Long Thành (nơi xảy ra sự cố), Ban chỉ huy phòng thủ dân sự và Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**PHỤ LỤC 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78 /GPMT-KCNKKT  
ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Trường ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp,  
Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNTMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; xây dựng; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với người lao động làm việc cho dự án; đồng thời thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

4. Thực hiện chương trình quản lý, quan trắc, giám sát môi trường theo nội dung được cấp giấy phép và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi khó chịu từ quá trình sản xuất của dự án (nếu có).

6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật được nêu tại Giấy phép môi trường này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,  
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**